

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ – ST.

Ngày: 05-5-2022.

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Ngoan
2. Ông Nguyễn Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Khắc Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Hồng Quốc Vê – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H** - sinh năm 1986.

Nơi cư trú: số nhà 49, ấp A, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Lâm Sơn H** - sinh năm 1975.

Nơi cư trú: khu vực D, phường Đ, quận E, thành phố Cần Thơ. (xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lâm Sơn H do mai mối và được gia đình chấp thuận nên ông bà tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng do sau khi cưới vợ chồng bận đi làm kiếm tiền để chăm lo gia đình, mặc khác do sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của ông H bị thất lạc nên đến nay ông bà vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống

cũng hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H thường đi nhậu về nhà kiểm chuyện với vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã nhau, nhiều lần bà đã khuyên ông H sửa đổi lại tính tình để chăm lo gia đình nhưng ông H không chịu sửa đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên ông bà đã chính thức sống ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Trong suốt thời gian ly thân bà và ông H cũng không tìm ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay bà xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông H nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lâm Sơn H trình bày: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà Trần Thị H về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân ông cũng thống nhất như bà H trình bày là đúng. Trong thời gian sống ly thân ông có đến nhà cha mẹ vợ nhận lỗi với bà H mong bà H tha thứ để quay về chung sống cùng chăm lo gia đình nhưng bà H không đồng ý nên đến nay vợ chồng vẫn chưa hàn gắn được tình cảm. Nay nhận thấy bà H cương quyết yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà H. Đồng thời, do bận đi làm xa nên ông H xin được xét xử vắng mặt, ông cam kết không khiếu nại gì về sau.

Về con chung: Bà H và ông H thống nhất có 01 (một) con chung tên Lâm Thành P, sinh ngày 19/02/2009 hiện do bà H đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông bà thống nhất giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà H.

Về tài sản chung và về nợ chung: Bà H và ông H thống nhất không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ đến các đương sự về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; đồng thời lập biên bản đối chất về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung theo quy định của pháp luật và tiến hành đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Trần Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ. Ngoài ra, không ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa xét xử phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị H và ông Lâm Sơn H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Lâm Thành P, sinh ngày 19/02/2009 cho bà H được quyền nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà H.

- Về tài sản chung và về nợ chung: không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét tại phiên tòa, bị đơn ông Lâm Sơn H có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Trần Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Sơn H. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lâm Sơn H hiện nay đăng ký thường trú và cư trú tại khu vực D, phường Đ, quận E, thành phố Cần Thơ. Do đó, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận E, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị H và ông Lâm Sơn H bắt đầu chung sống như vợ chồng từ đầu năm 2008 trên tinh thần tự nguyện và có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do ông H thường xuyên đi nhậu về nhà kiếm chuyện với vợ con và đập phá đồ đạc trong nhà nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã làm cho đời sống hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Đến tháng 02 năm 2021 thì ông bà sống ly thân cho đến nay không có giải pháp gì hàn gắn được tình cảm. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống thì ông H cũng đồng ý ly hôn với bà H. Xét, bà H và ông H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng bà H, ông H không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông H là không có cơ sở, mà áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà H và ông H là vợ chồng.

[3.2] *Về con chung*: Bà H và ông H chung sống có 01 (một) con chung tên Lâm Thành P, sinh ngày 19/02/2009. Khi ly hôn, bà H và ông H thống nhất giao cháu P cho bà H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Ông

H không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà H. Xét, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung khi cha mẹ ly hôn cháu mong muốn được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3.3] *Về tài sản chung và về nợ chung:* Bà H, ông H thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3.4] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà H phải nộp theo quy định pháp luật.

[4] Xét, đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên bố:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Trần Thị H và ông Lâm Sơn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Thành P, sinh ngày 19/02/2009 cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà H.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004333 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận E, thành phố Cần Thơ (*công nhận bà H đã nộp xong*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Chi Cục THA DS Q. Thốt Nốt;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Tuyền